

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ QUY NHƠN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 417/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 05 - 4 - 2022

“V/v Ly hôn giữa chị T và anh Q”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUY NHƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Định

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Đoàn Thị Thùy Châu

Ông Hồ Đắc Toàn

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Trâm là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Thuận - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 4 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số 132/2021/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 11 năm 2021 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 68/2022/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thu T; Cư trú tại 237 đường K, thành phố, tỉnh B. (Có mặt)

- Bị đơn: Anh Huỳnh Trung Q; Cư trú tại 237 đường K, thành phố, tỉnh. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu T trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Q đăng ký kết hôn vào ngày 01.11.2016 tại UBND phường C, thành phố Q, tỉnh B trên cơ sở tự nguyện. Quá trình chung sống từ khi

kết hôn cho đến nay thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do cả hai bất đồng quan điểm sống, không ai quan tâm đến ai. Nay chị nhận thấy tình cảm, trách nhiệm vợ chồng không còn nên yêu cầu ly hôn anh Q nhằm ổn định cuộc sống riêng.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung tên N, sinh ngày 04.4.2017. Hiện cháu N đang sống với vợ chồng, sức khỏe bình thường, nếu ly hôn chị yêu cầu được nuôi cháu N.

Về cấp dưỡng: Không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa giải quyết.

- Bị đơn anh Huỳnh Trung Q: Quá trình giải quyết vụ án, nhiều lần Tòa triệu tập, thông báo để anh Q đến Tòa làm việc và thực hiện các thủ tục tố tụng nhưng anh Q không đến Tòa, từ chối khai báo, gây khó khăn cho quá trình thu thập chứng cứ của Tòa.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quy Nhơn phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Riêng bị đơn anh Q không thực hiện các quyền, nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, 72 của BLTTDS. Về việc giải quyết vụ án đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 56, 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình tuyên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Thu T; Giao con chung là cháu N cho chị T được trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng: Không yêu cầu Tòa không giải quyết; Đương sự phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng bị đơn anh Q vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa tiến hành xét xử vắng mặt anh Q.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thu T và anh Huỳnh Trung Q tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 01.11.2016 tại UBND phường C, thành phố Q, tỉnh B nên đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, cuộc sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân theo chị T trình bày, do cả hai bất đồng quan điểm sống, không ai quan tâm đến ai dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt, xa cách. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa đã nhiều lần tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để anh Q đến Tòa khai báo, hòa giải nhằm hàn gắn tình cảm

vợ chồng nhưng anh Q cố tình vắng mặt, điều đó chứng tỏ anh không có thiện chí trong việc xây dựng hạnh phúc gia đình với chị T. HĐXX nhận thấy, tình cảm giữa chị T, anh Q thực sự không còn, khả năng hàn gắn là điều không thể, mâu thuẫn giữa chị T, anh Q đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được vì vậy yêu cầu xin ly hôn của chị T là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung là cháu N, sinh ngày 04.4.2017. Hiện cháu N đang sống cùng anh chị, sức khỏe cháu bình thường, nếu ly hôn chị T yêu cầu được nuôi cháu N. Xét việc giao con cho ai nuôi là phải xem xét đến các điều kiện, hoàn cảnh thực tế của người nuôi dưỡng có đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cũng như sự phát triển bình thường của đứa trẻ hay không. Qua xác minh tại Ủy ban nhân dân phường C, thành phố Q thấy rằng hiện chị T có chỗ ở, công việc làm, thu nhập ổn định, đủ điều kiện để nuôi con. Do đó, cần giao cháu N cho chị T được trực tiếp nuôi dưỡng là có căn cứ theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng: Không yêu cầu, Tòa không giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu, Tòa không giải quyết.

[4] Về án phí: Theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội chị T phải chịu 300.000 đồng án phí HNGĐ-ST.

[5] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của HĐXX nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Thu T và anh Huỳnh Trung Q

2. Về con chung:

2.1. Giao con chung là cháu N, sinh ngày 04.4.2017 cho chị T được trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2. Về cấp dưỡng: Không yêu cầu, Tòa không giải quyết.

Vì lợi ích của con, một hoặc hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được ngăn cản.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu, Tòa không giải quyết.

4. Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí HNGĐ-ST được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai số 0003032 ngày 04.11.2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Q (đã nộp xong).

3. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Chị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Q vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ/.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND, CCTHADS Tp Q;
- TANDTP.Q;
- UBND P. C;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Định